**Chủ đề II: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

**TUẦN 9**: **BÀI 26:** **PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách đặt tính và thực hiện tính cộng, tính trừ các số có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có ý thức tự học, tự tìm tòi và học hỏi.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tivi

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- Phiếu học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Dẫn dắt vào bài học  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS thực hiện theo nhóm 2 và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  + Quan sát bức tranh nói với bạn các vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh.  + Câu hỏi đặt ra ở đây là gì?  + Để biết tổng điểm của Hoa và Linh ta làm thế nào?  + Để biết Huy nhiều hơn Dũng bao nhiêu điểm ta làm thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện theo nhóm 2  - Trả lời:  - Bức tranh vẽ một nhóm bạn đang chơi trò chơi tính điểm trên máy:  Hoa được 125 859 điểm. Linh được 541 728 điểm. Dũng được 50 420 điểm. Huy được 516 372 điểm.  -Tổng điểm của Hoa và Linh là bao nhiêu?  - Huy nhiều hơn Dũng bao nhiêu điểm?  - Ta thực hiện phép cộng 125 859 + 541 728.  - Ta thực hiện phép tính trừ  516 372 – 50 420. |
| **2. Khám phá***:*  Mục tiêu:  - Biết cách đặt tính và thực hiện tính cộng, tính trừ các số có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1 Phép cộng**  **125 859 + 541 728**  **-** GV yêu cầu các nhóm 4 thảo luận cách đặt tính và tính.  - GV mời đại diện nhóm nêu cách làm  - GV nhận xét, chốt lại các bước thực hiện phép tính cộng.  + Đặt tính  + Cộng theo từ phải sang trái  -GV cho HS đọc kết quả  - GV nêu một phép tính khác cho HS làm bảng con: 156 237 + 231 856 = ?  - GV yêu cầu HS nêu cách làm  - GV chốt, kết luận  **2.2 Phép trừ**  **516 372 – 50 420**  **-** GV yêu cầu các nhóm 4 thảo luận cách đặt tính và tính.  - GV mời đại diện nhóm nêu cách làm  - GV nhận xét, chốt lại các bước thực hiện phép tính trừ.  + Đặt tính  + Trừ theo từ phải sang trái  - GV cho HS đọc kết quả  - GV nêu một phép tính khác cho HS làm bảng con: 456 837 – 191 256 = ?  - GV yêu cầu HS nêu cách làm  - GV chốt, kết luận | - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - HS nhóm khác nhận xét     |  |  | | --- | --- | | + | 124 859 | | 541 728 | |  | 667 587 |       -Vậy 125 859 + 541 728 = 667 587  -1 HS lên bảng\_ Lớp làm bảng con  -HS nêu cách làm  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm nêu cách làm  - HS nhóm khác nhận xét   |  |  | | --- | --- | | - | 516 372 | | 50 420 | |  | 465 952 |     -Vậy 516 372 – 50 420 = 465 952  -1 HS lên bảng\_ Lớp làm bảng con  -HS nêu cách làm. |
| **3. Luyện tập, thực hành**  Mục tiêu:  **-**Vận dụng các kiến thức đã học giải quyết các bài tập | |
| **Bài 1: Tính ( Làm việc chung cả lớp)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tính  - GV cho HS làm vở: Đặt tính rồi tính  - GV cho HS đổi vở kiểm tra chéo và nói cách làm cho bạn nghe.  - GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc cộng, trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.  - GV lưu ý các trường hợp có nhớ trong các thao tác cộng, trừ. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm vở\_ Đổi vở kiểm tra chéo\_ Nêu cách làm với bạn  - HS nhắc lại quy tắc cộng, trừ   |  |  | | --- | --- | | + | 810 935 | | 5 648 | |  | 686 538 |  |  |  | | --- | --- | | - | 856 180 | | 395 735 | |  | 460 445 |  |  |  | | --- | --- | | - | 248 039 | | 57 256 | |  | 190 783 |  |  |  | | --- | --- | | + | 462 803 | | 156 279 | |  | 619 082 | |
| **Bài 2: Đặt tính rồi tính. (làm việc cá nhân)**  **-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong phiếu bài tập.  538 042 + 142 387 729 060 – 68 500  73 402 – 8 312  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời một số HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp làm việc cá nhân các bài tập theo yêu cầu:   |  |  | | --- | --- | | - | 729 060 | | 68 500 | |  | 660 560 |  |  |  | | --- | --- | | + | 538 042 | | 142 387 | |  | 680 429 |  |  |  | | --- | --- | | + | 73 402 | | 8 312 | |  | 65 090 |   - HS nêu kết quả.  - Một số HS khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng cách cho HS về nhà quan sát đồng hồ nước của gia đình hôm nay đến 1 tuần sau xem gia đình nhà mình xài bao nhiêu cm3 nước. Và tính số tiền nước nhà mình xài trong tuần đó biết 1 cm3 nước giá 8 000 đồng.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS về nhà quan sát và thực hiện, 1 tuần sau báo cáo kết quả  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**Chủ đề II: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**

**TUẦN 9**: **BÀI 26: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có ý thức tự học, tự tìm tòi và học hỏi.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tivi

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- Phiếu học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Dẫn dắt vào bài học  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS chơi trò chơi ***Ai nhanh, ai đúng*** bằng cách lên bảng thực hiện 4 phép tính GV đưa ra, nếu bạn nào làm nhanh nhất và đúng kết quả sẽ giành chiến thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS chơi |
| **2. Luyện tập**  Mục tiêu:  - Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các phép tính cộng, trừ có nhớ (không quá ba lần liên tiếp).  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 3: (Làm việc nhóm 2)**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài, nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi bài tập 3  - GV gọi 2 nhóm lên bảng trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương chốt kết quả đúng.  **Bài 4: (Làm việc cả lớp)**  **-**GV yêu cầu HS đọc đề bài, nêu yêu cầu bài tập**.**  **-** GV cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn”, bạn nào được mời sẽ trả lời đáp án phép tính mà bạn yêu cầu, nếu trả lời sai thì mất lượt.  **-** GV nhận xét, tuyên dương, chốt kết quả đúng.  20 000 + 70 000 = 90 000  600 000 + 300 000 = 900 000  7 000 – 5 000 = 2 000  500 000 – 300 000 = 200 000  16 000 + 2 000 = 18 000  920 000 – 20 000 = 900 000  **Bài 5: ( Làm việc nhóm 4)**  **-**GV yêu cầu HS đọc đề bài, nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 (GV gợi ý cho HS nhắc lại quy tắc tính giá trị biểu thức).  - GV sửa bài, chốt kết quả đúng  313 – (107 + 206 ) = 313 – 313 = 0  6000 – (2700 + 300 ) = 6000 – 3000 = 3000  4 480 + 2496 – 1596 = 6 976 – 1596 = 5380  **Bài 6: (Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc đề bài toán  - GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán yêu cầu tìm gì?  + Để biết được năm 2020, tỉnh có bao nhiêu số thuê bao Internet ta làm thế nào?  - GV cho HS làm vở  - GV theo dõi, chấm vở cho HS làm xong bài  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng  Bài giải  Sôs thuê bao Internet của tỉnh năm 2020 là:  116 771 + 26 033 = 142 804 (thuê bao )  Đáp án: 142 804 thuê bao | - HS đọc BT3, nêu yêu cầu  - HS làm nhóm 2  - Các nhóm trình bày  -HS quan sát, nhận xét  a)   |  |  | | --- | --- | | - | 9 580 | | 7235 | |  | 2345 |  |  |  | | --- | --- | | + | 7 235 | | 2 345 | |  | 9 580 |  |  |  | | --- | --- | | + | 2 456 | | 638 | |  | 3 094 |  |  |  | | --- | --- | | - | 3 094 | | 2 456 | |  | 638 |  |  |  | | --- | --- | | + | 8 356 | | 572 | |  | 8 928 |  |  |  | | --- | --- | | - | 8 928 | | 572 | |  | 8 356 |   b)     |  |  | | --- | --- | | + | 7 525 | | 67 | |  | 7 592 |  |  |  | | --- | --- | | - | 7 592 | | 67 | |  | 7 525 |   -HS đọc, nêu yêu cầu  -HS chơi Đố bạn  -HS lắng nghe  -HS đọc đề bài, nêu yêu cầu  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét  -HS đọc đề bài toán  -Năm 2019, tỉnh có 116 771 thuê bao. Năm 2020, tăng thêm 26 033 thuê bao.  - Số thuê bao Inernet của tỉnh năm 2020.  - Làm phép tính cộng.  Lấy 116 771 + 26 033  -HS làm vở  -HS lắng nghe, kiểm tra bài làm của mình |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 7: (Làm việc cả lớp)**  **-**  GV cho HS đọc đề bài toán  - GV hỏi: Nhìn vào 2 đồng hồ công tơ mét lúc bắt đầu đi và lúc đến nơi cho biết:  + Lúc bắt đầu đi đồng hồ số bao nhiêu ?  + Lúc đến nơi đồng hồ số bao nhiêu?  -GV phân tích: Quãng đường mà xe máy đó đã đi được tính bằng hiệu số của quãng đường lúc đến nơi và lúc bắt đầu đi (thể hiện trên đồng hồ công tơ mét của xe máy).  - GV cho 1 bạn lên bảng làm bài  - GV nhận xét, chốt kết quả đúng  Bài giải  Quãng đường mà xe máy đó đã đi được là:  103 021 – 102 906 = 115 (km)  Đáp số: 115 km  **Củng cố, dặn dò:**  **-** Hôm nay các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, em hãy tìm những tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học, hôm sau chia sẻ với các bạn. | -HS đọc bài toán  - 102906  - 103021  - HS lắng nghe  -Cả lớp quan sát, nhận xét  -HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**TUẦN 9**: **CHỦ ĐỀ II: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ**

**Bài 27: CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP CỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu và vận dụng được các tính chất ( giao hoán, kết hợp, cộng với số 0) của phép cộng

- Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm (tính hợp lí) và giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự hoàn thành các hoạt động học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết và sáng tạo giải các bài toán hợp lí nhất

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Tivi

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- Một số tình huống đơn giản liên quan đến các tính chất của phép cộng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  + Quan sát tranh vẽ nêu tranh vẽ gì?  + Nêu tình huống đặt ra trong các bức tranh?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe.  - HS trả lời  - Một nhóm bạn đang chơi trò chơi “ Tìm những cặp thẻ ghi biểu thức có cùng giá trị”. Cùng nhau tính và rút ra nhận xét liên quan.  a) 5 + 7 = 12  7 + 5 = 12  b) 3 + (5 +6 )= 3 + 11= 14  ( 3 + 5 ) + 6 = 8 + 6 = 14  c) 7 + 0 = 7  0 + 7 = 7 |
| **2. Khám phá**  Mục tiêu:  - Hiểu và vận dụng được các tính chất ( giao hoán, kết hợp, cộng với số 0) của phép cộng  - Vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm (tính hợp lí) và giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  **-** Cách tiến hành: | |
| a) 5 + 7 = 12  7 + 5 = 12  b) 3 + (5 +6 )= 3 + 11= 14  ( 3 + 5 ) + 6 = 8 + 6 = 14  c) 7 + 0 = 7   1. + 7 = 7   - GV cho HS thảo luận về kết quả tính nêu trên và phát biểu  - GV nhận xét, chốt:  + Khi thực hiện phép cộng hai số, ta có thể đổi chỗ các số hạng mà tổng không thay đổi . Đây là tính chất giao hoán của phép cộng.  + Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và thứ ba. Đây là tính chất kết hợp của phép cộng.  + Số nào cộng với 0 cũng cho kết quả bằng chính số đó. Đây là tinh chất cộng với số 0.  - GV yêu cầu HS đưa ra một số ví dụ rồi phát biểu chốt lại các tính chất nêu trên của phép cộng.  -GV nhận xét | -HS quan sát lại các biểu thức và kết quả của các biểu thức  -HS phát biểu  -HS lắng nghe  -HS nêu ví dụ liên quan đến các tính chất của phép cộng. |
| **Bài 1: Làm việc cả lớp**  **-** GV cho HS đọc đề bài, nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS vận dụng các tính chất của phép cộng để làm bài tập 1. Gợi ý câu a vận dụng tính chất giao hoán, câu b vận dụng tính chất kết hợp câu c vận dụng tính chất cộng với 0.  - GV cho HS tự làm bài cá nhân  - GV cho HS lên bảng điền  - GV nhận xét, kết luận và cho HS nêu lại các tính chất của phép cộng:  a) 33 + 99 = 99 + 33  13 + 297 = 297 + 13  201 + 118 = 118  + Khi thực hiện phép cộng hai số, ta có thể đổi chỗ các số hạng mà tổng không thay đổi . Đây là tính chất giao hoán của phép cộng.  (24 + 8) + 12 = 24 + (8 + 12)= 44  6 + 4 + 8 = (6 + 4) + 8  98 + 63 + 37 = 98 + (63 + 37 ) = 198  + Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và thứ ba. Đây là tính chất kết hợp của phép cộng  9 + 0 = 9  61 + 0 = 61  87 + 0 = 87  0 + 10 = 10  + Số nào cộng với 0 cũng cho kết quả bằng chính số đó. Đây là tinh chất cộng với số 0. | -HS đọc đề bài, nêu yêu cầu  - HS lắng nghe  -HS suy nghĩ làm bài  -HS lên bảng \_ HS nhận xét  - HS nghe, ghi nhớ |
| **Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện ( Làm việc cá nhân ).**  **-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV cùng HS phân tích mẫu: Để tính được bằng cách thuận tiện thì cần vận dụng các tính chất của phép cộng.  - GV mời cả lớp làm vào vở  a) 36 + 14 + 9  b) 51 + 12 + 18  c) 65 + 9 + 5  d) 31 + 26 + 69  - GV cho HS đổi vở kiểm tra chéo\_GV chấm một số bạn  - GV mời HS nêu kết quả.  - GV mời một số HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS nghe GV hướng dẫn  - Cả lớp làm việc cá nhân các bài tập theo yêu cầu:  a) 36 + 14 + 9 = ( 36 + 14) + 9 = 59  b) 51 + 12 + 18 = 51 + (12 + 18 ) = 81  c) 65 + 9 + 5 = (65 + 5 ) + 9 = 79  d) 31 + 26 + 69 = (31 + 69 ) + 26 = 126  - HS đổi vở kiểm tra chéo  - HS nêu kết quả.  - Một số HS khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện và nói cho các bạn nghe cách tính (Làm việc nhóm 2).**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV cho HS thảo luận nhóm 2.  93 + 107 + 59  32 + 146 + 18  82 + 157 + 143  120 + 170 + 280  - GV gọi các nhóm trình bày  - GV nhận xét, kết luận:  93 + 107 + 59 = (93 + 107) + 59 = 259  32 + 146 + 18 = 146 + (32 + 18) = 196  82 + 157 + 143 = 82 + (157 + 143 ) = 382  120 + 17 +280 = (120 + 280 )+ 170 = 570 | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS thảo luận nhóm đôi  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4: Làm việc cả lớp**  **-** GV cho HS đọc bài toán  - GV cho HS trả lời các câu hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán yêu cầu tìm gì?  - GV gọi HS nêu đáp án  - GV nhận xét, tuyên dương  **Củng cố, dặn dò:**  - Hôm nay các em biết thêm được điều gì?  - Liên hệ về nhà em hãy tìm những tình huống liên quan đến bài học hôm nay để hôm sau chia sẻ với các bạn. | -HS đọc bài toán  - Quan sát vào hoá đơn em thấy mẹ mua hết 330 000 (đồng).  - Mẹ đưa 500 000 đồng thì cô bán hàng trả lại bao nhiêu ?  - Cô bán hàng trả lại 170 000 đồng  - HS lắng nghe  -HS trả lời  -HS thực hiện |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**TUẦN 9**: **CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ**

**Bài 28: TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết về số trung bình cộng của nhiều số.

- Biết cách giải toán “ Tìm số trung bình cộng” và vận dụng giải quyết một số vấ đề đơn giản.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có ý thức hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng giải quyết các vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe – nói, kĩ năng thuyết minh, trình bày

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết giúp đỡ bạn trong học tập, cùng nhau tiến bộ

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ tiếp thu, làm các bài tập

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Tivi

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho hs hoạt động theo nhóm 2 và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  + GV cho HS quan sát tranh vẽ và nêu tranh vẽ gì?  + GV yêu cầu HS nêu vấn đề đặt ra ở đây là gì?  + Bạn nữ đã làm sao để san bằng các chồng sách?  + Các em hãy đoán xem sau khi san đều các chồng sách thì mỗi chồng có mấy quyển sách.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS hoạt động nhóm 2  -HS quan sát tranh và nêu  -Vấn đề là san đều các chống sách  -Bạn nữa chuyển số sách ở chồng sách thứ hai sang các chồng khác  - HS trả lời |
| **2. Khám phá:** *:*  + Mục tiêu:  - Nhận biết về số trung bình cộng của nhiều số.  - Biết cách giải toán “ Tìm số trung bình cộng” và vận dung giải quyết một số vấ đề đơn giản.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1: Tìm số trung bình cộng (Làm việc nhóm 4)**  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 “ Muốn san sẻ các số sách bằng nhau, ta sẽ làm như thế nào?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, chốt  + Muốn biết số sách san đều ở mỗi chồng ta có thể lấy tổng số sách chia 3  **Cụ thể là:**  Số sách san đều vào mỗi chồng là:  ( 11 + 15 + 10 ) : 3 = 12 ( quyển sách)  **Trong đó :**  -Ta gọi 12 là số trung bình cộng của cả 3 số 11,15,10  -Ta nói: Trung bình mỗi chồng có 12 quyển sách.  - GV yêu cầu HS rút ra cách tính số trung bình cộng của nhiều số?  - GV yêu cầu HS tự lấy ví dụ minh hoạ đơn giản.  - GV yêu cầu HS tìm số trung bình cộng của 46, 24 và 10, 20, 7, 11 (HS gấp sgk)  **Hoạt động 2: Giải bài toán “ Tìm số trung bình cộng” (Làm việc cả lớp)**  **-** GV cho HS đọc bài toán trang 70  - GV hỏi HS bài toán cho biết gì và yêu cầu tìm gì?  - GV gọi 1 bạn lên bảng làm, nêu cách làm  - GV nhận xét, nhấn mạnh: Để giải bài toán tìm số trung bình cộng, ta cũng áp dụng như cách tìm số trung bình cộng, thứ nhất là tìm tổng các số, thứ hai là lấy tổng chia cho số các số hạng. | - HS thảo luận nhóm 4 tìm kiếm giải pháp.  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét  - HS lắng nghe  -HS nêu: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi lấy tổng tìm được chia cho số các số hạng.  - HS tìm ví dụ  -HS tính vào bảng con  -HS đọc bài toán  - HS nêu  -1HS lên bảng\_Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải  Tổng số cây nấm ba bạn hái được là:  14 + 16 + 12 = 42 (cây)  Trung bình mỗi bạn hái được số cây nấm là: 42 : 3 = 14 (cây)  Đáp số: 14 cây nấm |
| **3. Luyện tập, thực hành:**  + Mục tiêu:  -Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề | |
| **Bài 1: Tìm số trung bình cộng của mỗi nhóm số sau ( Làm việc cá nhân).**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV yêu cầu HS nêu lại cách tìm số trung bình cộng.  - GV mời cả lớp làm cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở.  - GV quan sát, theo dõi, chấm vở một số em để rút kinh nghiệm cho cả lớp  **Bài 2:** **Làm việc cả lớp**  **-** GV cho HS đọc bài toán  - GV hỏi HS bài toán cho biết gì và yêu cầu tìm gì?  - GV gọi 1 bạn lên bảng làm, nêu cách làm  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi lấy tổng tìm được chia cho số các số hạng.  - Cả lớp làm việc cá nhân, làm vào vở, đổi chéo vở.  -HS đọc bài toán  - HS trả lời  - 1 HS lên bảng\_Lớp quan sát, nhận xét.  Bài giải  Tống số cân nặng của 4 bạn là:  36 + 37 + 33 + 38 = 144 (kg)  Trung bình cân nặng mỗi bạn là:  144 : 4 = 36 (kg)  Đáp số: 36 kg  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:  + GV cho HS lựa chọn số lượng các bạn từ 1 đến 5 em, sau đó tính số trung bình cộng chiều cao của các bạn trong lớp mình.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tính và đưa ra kết quả.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**